

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 04/2018/LĐ-PT

Ngày 12 - 11 - 2018

V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Châu Việt Thanh

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2018/TLPT-LĐ ngày 06 tháng 09 năm 2018 về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1976. Trú tại: Số M, đường H, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Sở A tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Đường N, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Huỳnh Quốc C. Chức vụ: Giám đốc Sở A tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Sở A tỉnh Bạc Liêu: Ông Nguyễn Văn U - Luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Do có kháng cáo của: Nguyên đơn ông Đỗ Thanh T và bị đơn Sở A tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Đỗ Thanh T trình bày:

Ông Dương Ngọc A - Giám đốc Sở A tỉnh Bạc Liêu ký Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T, với lý do hết hạn hợp đồng và sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động là hoàn toàn trái pháp luật, cụ thể như sau:

Ông T vào công tác tại Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu vào đầu tháng 02/2004, hình thức là thử việc, không có lập hợp đồng, với nhiệm vụ là chuyên viên thanh tra. Đến ngày 01/7/2004, được Sở Nội vụ ký quyết định xét tuyển dài hạn 01 năm, làm việc tại Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu. Ngày 01/7/2005, Sở Nội vụ ký quyết định xét tuyển dài hạn 01 năm với ông T, làm việc tại Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu.

Từ năm 2006, mỗi năm Sở A tỉnh Bạc Liêu ký hợp đồng lao động dài hạn 01 năm. Cho đến năm 2014, Sở A tỉnh Bạc Liêu ký với ông T 04 hợp đồng lao động ngắn hạn là 05 tháng, 03 tháng, 02 tháng.

Đến ngày 01/6/2015 Sở A tỉnh Bạc Liêu ký với ông T hợp đồng lao động thời hạn 01 năm từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/6/2016. Ngày 14/4/2016 Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Thông báo 65/TB-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, có giao cho ông T thông báo này. Ngày 23/5/2016 Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 45/QĐ-SXD đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Sở A tỉnh Bạc Liêu có triển khai quyết định này cho ông T vào ngày 05/7/2016 nhưng ông không đồng ý nhận hồ sơ giải quyết, mặc dù có nhận Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 để khiếu nại về sau.

Khi nghỉ việc thì chưa nhận được khoản trợ cấp nào từ Sở A tỉnh Bạc Liêu. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu bồi thường các khoản tổn thất vật chất gồm:

- Tiền lương hàng tháng tính từ tháng bị cho nghỉ việc trái pháp luật tháng 6/2016 đến khi giải quyết xong vụ án, lương mỗi tháng là 4.804.875 đồng;

- Tiền trực thứ bảy hàng tuần, mỗi tháng trực 02 ngày x 369.604 đồng/ngày = 739.208 đồng/tháng, tính từ tháng 6/2016 đến khi giải quyết xong vụ án.

- Tiền lễ 30/4 là 7.000.000 đồng; tiền lễ 2/9 là 7.000.000 đồng; tiền thưởng Tết Nguyên Đán là 9.000.000 đồng;

- Yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu phải bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín là 17.550.000.000 đồng, với lý do: Mọi người đều kỳ thị, xa lánh, gặp khó khăn trong việc giao tiếp, ngại giao kết các hợp đồng kinh tế và xây dựng; từ khi Sở A tỉnh Bạc Liêu cho nghỉ việc đến nay gia đình ông T gặp

nhieu khó khăn trong cuộc sống, gặp khó khăn trong quá trình làm kinh tế phụ gia đình.

- Trả tiền bảo hiểm xã hội và tiền bảo hiểm y tế trong thời gian ông T không làm việc từ tháng 6/2016 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở A tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Ông Đỗ Thanh T có làm việc tại Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu theo hợp đồng lao động từ tháng 02/2004 đến hết tháng 5/2016. Ngày 14/4/2016, Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Thông báo 65/TB-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T, có giao cho ông T thông báo này. Ngày 23/5/2016, ông Dương Ngọc Ẩn là Giám đốc Sở A tỉnh Bạc Liêu ký Quyết định số 45/QĐ-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T.

Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 45/QĐ-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T là đúng quy định pháp luật. Bởi vì: Căn cứ theo Biên bản họp ngày 13/8/2015 và Tờ cam kết ngày 18/8/2015 ông Đỗ Thanh T có cam kết khi hết thời hạn hợp đồng lao động số 175/HĐLĐ-SXD ngày 01/6/2016 thì sẽ tự nguyện xin thôi việc. Đến khi gần hết thời hạn của hợp đồng thì ông T không nộp đơn xin nghỉ việc như đã cam kết, nên ngày 23/5/2016 Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 45/QĐ-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T. Do đó, Sở A tỉnh Bạc Liêu không chấp nhận yêu cầu của ông T.

Từ tháng 6/2016 ông T nghỉ làm việc tại Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu. Sở A tỉnh Bạc Liêu chưa chi trả các khoản trợ cấp cho ông T do ông T không đồng ý nhận.

Sở A tỉnh Bạc Liêu xác định ông T đã không đến làm việc tại Sở A tỉnh Bạc Liêu từ ngày 14/8/2015, Sở A tỉnh Bạc Liêu vẫn trả lương và các chế độ cho ông T đầy đủ đến ngày 30/5/2016. Sở A tỉnh Bạc Liêu yêu cầu ông T nộp lại vào ngân sách nhà nước tiền lương đã nhận trong thời gian không làm việc từ ngày 14/8/2015 đến ngày 01/6/2016.

Từ nội dung trên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2018/QĐ-SCBSBA cùng ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 36, 38, 41, 42, 48, 90 của Bộ luật Lao động;
- Điểm c khoản 3 Điều 14; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T đối với Sở A tỉnh Bạc Liêu về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Hủy quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu.

Chấm dứt hợp đồng lao động giữa Sở A tỉnh Bạc Liêu với ông Đỗ Thanh T.

Buộc Sở A tỉnh Bạc Liêu có nghĩa vụ chi trả cho ông Đỗ Thanh T các khoản sau:

- Tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc tại tại Sở A: 123.980.062 đồng.

- 04 tháng tiền lương: 19.147.500 đồng.

- Trợ cấp thôi việc: 11.967.187 đồng.

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông T không được làm việc tại tại Sở A: 26.035.813 đồng.

Tổng cộng: 181.130.562 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T về việc yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu có nghĩa vụ bồi thường tiền trực thứ bảy hàng tuần là 739.208 đồng/tháng tính từ tháng 6/2016 đến khi giải quyết xong vụ án; tiền lễ 30/4 là 7.000.000 đồng; tiền lễ 2/9 là 7.000.000 đồng; tiền thưởng Tết Nguyên Đán là 9.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín là 17.550.000.000 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Sở A tỉnh Bạc Liêu phải chịu là 5.433.916 đồng.

Ông Đỗ Thanh T được miễn nộp án phí.

4. Bản án quyết định đối với trường hợp trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc phải được thi hành ngay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/8/2018, ông T kháng cáo yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu phải chi trả và bồi thường tổng cộng là 4.844.006.410 đồng.

- Ngày 15/8/2018, đại diện theo pháp luật của Sở A tỉnh Bạc Liêu kháng cáo yêu cầu công nhận Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Thanh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở A tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Sở A tỉnh Bạc Liêu: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Sở A tỉnh Bạc Liêu, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông T, công nhận Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu là đúng quy định.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, Luật sư và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đỗ Thanh T cho rằng Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái pháp luật nên ông yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu hủy bỏ Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu Sở A tỉnh Bạc Liêu bồi thường các khoản tiền như tiền lương hàng tháng tính từ tháng bị cho nghỉ việc trái pháp luật tháng 6/2016 đến khi giải quyết xong vụ án, lương mỗi tháng là 4.804.875 đồng; tiền trực thứ bảy hàng tuần, mỗi tháng trực 02 ngày x 369.604 đồng/ngày = 739.208 đồng/tháng tính từ tháng 6/2016 đến khi giải quyết xong vụ án; tiền lễ 30/4 là 7.000.000 đồng; tiền lễ 2/9 là 7.000.000 đồng; tiền thưởng Tết Nguyên đán là 9.000.000 đồng; yêu cầu bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín là 17.550.000.000 đồng.

[2] Đại diện Sở A tỉnh Bạc Liêu xác định Quyết định số 45/QĐ-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T là đúng quy định pháp luật. Bởi vì: Căn cứ theo Biên bản họp ngày 13/8/2015 và Tờ cam kết ngày 18/8/2015 của ông Đỗ Thanh T có cam kết khi hết thời hạn hợp đồng lao động số 175/HĐLĐ-SXD ngày 01/6/2016 sẽ tự nguyện xin thôi việc. Đến khi gần hết thời hạn của hợp đồng thì ông T không nộp đơn xin nghỉ việc như đã cam kết, nên ngày 23/5/2016 Sở A tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định số 45/QĐ-SXD về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T. Do đó, Sở A tỉnh Bạc Liêu không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Xét kháng cáo của Sở A tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T với lý do hết hạn hợp đồng lao động và sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Theo khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động quy định: *“Khi hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng lao động xác định thời hạn đã giao kết trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng trở thành hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn là 24 tháng. Trong trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm 01 lần, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn”*. Như vậy, theo quy định trên thì việc Sở A tỉnh Bạc Liêu ký kết nhiều hợp đồng lao động có thời hạn trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2015 là không đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa ông T và Sở A tỉnh Bạc Liêu mặc nhiên là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động với ông T với lý do là hết thời hạn hợp đồng lao động là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh T với lý do thứ hai là sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động giữa Sở A tỉnh Bạc Liêu và ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản họp ngày 13/8/2015, ý kiến của Sở A tỉnh Bạc Liêu như sau: *“Xem xét chấp thuận ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/6/2016. Giải quyết cho ông Đỗ Thanh T hưởng 01 năm bằng 02 tháng tiền lương... Ông T phải có cam kết khi hết hợp đồng lao động phải làm đơn xin nghỉ việc, cam kết không khiếu nại tố cáo về sau. Sau khi có đơn xin nghỉ việc của ông T, cơ quan sẽ ra quyết định cho nghỉ việc”*; ý kiến của ông Đỗ Thanh T như sau: *“Căn cứ theo hợp đồng (từ ngày 01/6/2015 - 01/6/2016) yêu cầu tiền lương và mọi chế độ khác phải được hưởng như mọi cán bộ khác của cơ quan. Giải quyết chính sách thôi việc khi hết hợp đồng phải theo quy định (01 năm bằng 02 tháng tiền*

lượng). Đồng thời giải quyết các quy định khác theo chính sách mất việc làm bằng 06 tháng tiền bị mất việc làm. Đến hết hợp đồng lao động, tôi sẽ làm đơn tự nguyện xin thôi việc và cam kết từ nay về sau không có khiếu nại đối với trường hợp trên”. Sau cuộc họp này 05 ngày, ông T đã tự nguyện soạn thảo Tờ cam kết đề ngày 18/8/2015 với nội dung: “Tôi cam kết thực hiện, công tác tại Thanh tra Sở A Bạc Liêu đến hết hợp đồng lao động dài hạn nêu trên tôi tự nguyện xin thôi việc không yêu cầu, khiếu nại gì liên quan đến thôi việc của tôi. Về phía Lãnh đạo Sở A giải quyết chính sách cho thôi việc đối với tôi, cụ thể: 01 năm làm việc bằng 02 tháng tiền lương...và 06 tháng tiền lương trợ cấp thôi việc... Trong thời hạn nêu trên, các khoản trợ cấp, tiền lương, tiền nghỉ lễ, nghỉ Tết và các khoản tiền khác theo quy định tôi được hưởng như cán bộ, công chức, viên chức khác tại đơn vị (Thời gian này tôi không vào đơn vị công tác, làm việc vì giải quyết thỏa thuận vi phạm hợp đồng giữa tôi và Sở A)”. Quá trình từ khi các bên đưa ra ý kiến về quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên (theo Biên bản họp ngày 13/8/2015) cho đến khi ông T tự nguyện cam kết về các vấn đề theo nội dung Tờ cam kết đề ngày 18/8/2015 là khoảng thời gian ông T có thể tự cân nhắc, quyết định việc chấm dứt lao động tại Sở A tỉnh Bạc Liêu. Do đó, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông T về việc ông T bị ép buộc phải cam kết chấm dứt hợp đồng lao động, đủ căn cứ chứng minh việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông T và Sở A tỉnh Bạc Liêu là do sự thỏa thuận. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động để giải quyết quan hệ tranh chấp lao động giữa ông T và Sở A tỉnh Bạc Liêu mới đảm bảo đúng quy định và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

[5] Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động với ông T do thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động của các bên và Sở A tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc trả lương, các chế độ khi nghỉ Lễ, nghỉ Tết cho ông T đúng theo thỏa thuận. Mặt khác, qua xác minh những người lao động làm việc chung đơn vị với ông T, đều thống nhất xác định ông T không vào cơ quan làm việc sau khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Sở A tỉnh Bạc Liêu. Bên cạnh đó, Sở A tỉnh Bạc Liêu cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ việc trả lương, tiền nghỉ Lễ trong thời gian ông T không vào cơ quan làm việc và các quyết định, văn bản phân công nhiệm vụ từ ngày 14/8/2015 không có tên ông T. Điều đó phù hợp với Tờ cam kết ngày 18/8/2015 của ông T là ông T sẽ không vô cơ quan làm việc sau khi đã thỏa thuận được với Sở A tỉnh Bạc Liêu về chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, Sở A tỉnh Bạc Liêu thực hiện theo đúng thỏa thuận của mình, chấp nhận cho ông T nghỉ việc từ ngày 14/8/2015 nhưng vẫn trả lương, các chế độ như nghỉ Lễ, nghỉ Tết cho đến ngày hết hạn Hợp đồng lao động số 175/HĐLD-SXD ngày 01/6/2016.

[5] Xét các thỏa thuận giữa ông T và Sở A tỉnh Bạc Liêu để chấm dứt hợp đồng lao động: “Giải quyết chính sách thôi việc khi hết hợp đồng phải theo quy

định (01 năm bằng 02 tháng tiền lương). Đồng thời giải quyết các quy định khác theo chính sách mất việc làm bằng 06 tháng tiền bị mất việc làm”. Thỏa thuận giải quyết chế độ này cho ông T là cao hơn quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động, nhưng thỏa thuận này là có lợi cho người lao động. Qua làm việc với Sở A tỉnh Bạc Liêu xác định nguồn tiền để chi trả cho ông T theo như thỏa thuận là từ nguồn tiết kiệm kinh phí tự chủ và nguồn khác do Thanh tra Sở A tỉnh Bạc Liêu đang quản lý sử dụng. Do đó, việc thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật Lao động nên cần được ghi nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Sở A tỉnh Bạc Liêu về việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa Sở A tỉnh Bạc Liêu và ông T là do sự thỏa thuận của các bên, có căn cứ giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở A tỉnh Bạc Liêu.

[7] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu buộc Sở A tỉnh Bạc Liêu chi trả và bồi thường các khoản thiệt hại về tổn thất tinh thần, danh dự uy tín, bồi thường cả cuộc đời và sự nghiệp còn lại của ông T, bao gồm:

- Buộc Sở A chi trả tiền lương cho ông T hàng tháng là 3.829.500 đồng/tháng x 12 tháng x 22 năm làm việc còn lại của ông T = 1.010.988.000 đồng.

- Buộc Thanh tra Sở A cung cấp các chứng từ chi trả 75% x 3.829.500 đồng/tháng x 12 tháng x 22 năm = 631.867.500 đồng lương tăng thêm hàng tháng do nguồn tiền kinh phí hoạt động và nguồn tiền thu về từ nguồn tiền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

- Buộc chi trả tiền lễ 30/4 là 7.000.000 đồng, 2/9 là 7.000.000 đồng, Tết Nguyên Đán là 9.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản tiền này là 23.000.000 đồng x 22 năm = 506.000.000 đồng.

- Buộc bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự uy tín là 2.500.000.000 đồng.

- Buộc chi trả tiền trực vào ngày thứ bảy hàng tuần là 739.208 đồng/tháng x 12 tháng x 22 năm = 195.150.910 đồng.

Tổng số tiền buộc Sở A tỉnh Bạc Liêu phải chi trả và bồi thường cho ông T là 4.844.006.410 đồng.

Buộc Sở A tỉnh Bạc Liêu phải công khai tổ chức xin lỗi ông T và có các biện pháp xử lý theo quy định pháp luật đối với 05 cá nhân có liên quan: Ông Dương Ngọc A, ông Huỳnh Quốc C, ông Trần Hoàng D, ông Trần Hồng H, ông Nguyễn Tấn T.

[8] Như đã phân tích, Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận của các bên là đúng quy định nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị hủy Bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 27/7/2018 và giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định ý kiến của Sở A tỉnh Bạc Liêu về khoản tiền lương Sở A tỉnh Bạc Liêu đã trả cho ông T từ ngày 14/8/2015 đến khi hết hợp đồng lao động chỉ là phản đối với yêu cầu của ông T, chứ không phải là yêu cầu phản tố. Mặt khác, Sở A tỉnh Bạc Liêu yêu cầu công nhận Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 đồng nghĩa với việc Sở A tỉnh Bạc Liêu đồng ý với các thỏa thuận giữa Sở A với ông T, trong đó có thỏa thuận về việc tiếp tục trả tiền lương cho ông T đến khi hết hạn Hợp đồng lao động số 175/HĐLĐ-SXD ngày 01/6/2016. Điều này phù hợp với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở A tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với các vi phạm khác không ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự nên không cần thiết hủy án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[10] Do đủ căn cứ xác định Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu đúng quy định pháp luật, nên các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện theo như thỏa thuận và tại phiên tòa phúc thẩm ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở A tỉnh Bạc Liêu xác định ông T chưa nhận các khoản tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Như vậy, Sở A tỉnh Bạc Liêu có trách nhiệm thanh toán cho ông T các khoản tiền như thỏa thuận bao gồm:

- Ông T làm việc tại Sở A tỉnh Bạc Liêu từ đầu tháng 02/2004 đến ngày 31/5/2016 là 12 năm 04 tháng (12,13 năm), mỗi năm làm việc bằng hai tháng lương: $12,13 \text{ năm} \times 4.786.875 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 116.129.587 \text{ đồng}$.

- 06 tháng tiền trợ cấp thôi việc: $06 \text{ tháng} \times 4.786.875 \text{ đồng} = 28.721.250 \text{ đồng}$.

Tổng cộng 144.850.837 đồng.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ông T liên hệ với Bảo hiểm xã hội để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[11] Án phí sơ thẩm: Sở A tỉnh Bạc Liêu phải chịu 4.345.525 đồng; ông T được miễn nộp án phí sơ thẩm.

[12] Án phí lao động phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh T được miễn nộp; Sở A tỉnh Bạc Liêu không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh T, chấp nhận kháng cáo của đại diện Sở A tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát viên nhân

dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 36, 48, 90 của Bộ luật Lao động;
- Điểm c khoản 3 Điều 14; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;
- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T đối với Sở A tỉnh Bạc Liêu về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

2. Giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-SXD ngày 23/5/2016 của Sở A tỉnh Bạc Liêu. Chấm dứt hợp đồng lao động giữa Sở A tỉnh Bạc Liêu với ông Đỗ Thanh T.

3. Buộc Sở A tỉnh Bạc Liêu có nghĩa vụ chi trả cho ông Đỗ Thanh T số tiền 144.850.837 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng tám trăm ba mươi bảy đồng).

Bản án quyết định đối với trường hợp trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc phải được thi hành ngay.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ông T liên hệ với Bảo hiểm xã hội để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí lao động sơ thẩm: Sở A tỉnh Bạc Liêu phải chịu là 4.345.525 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Ông Đỗ Thanh T được miễn nộp án phí.

4.2. Án phí lao động phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh T được miễn nộp án phí.

Sở A tỉnh Bạc Liêu không phải chịu án phí phúc thẩm. Sở A tỉnh Bạc Liêu đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008498 ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (do bà Mã Tuyết N nộp thay) được hoàn lại số tiền 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố B (01 bản);
- CCTHADS thành phố B (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt